

Bản án số: 195/2024/HS-ST
Ngày 17-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Bà Lê Thị Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Vũ M, sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1, sinh năm 1967 và bà Phan Thị Thúy A, sinh năm 1971; có một con sinh năm 2023; có 03 anh chị em, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn R, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1, sinh năm 1967 và bà Phan Thị Thúy A, sinh năm 1971; có hai con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; có 03 anh chị em, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2024 cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn H, sinh năm 1991 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1991 và bà Trần Thị N, sinh năm 1968; có một con, sinh năm 2021;

có 03 chị em, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/4/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Thành H2, sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974; có 02 em, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/6/2024 cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Trần Văn N1, sinh năm 1981; địa chỉ: Xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Huỳnh Thị Bích N2, sinh năm 1977; địa chỉ: Xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 2005; địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Trần Văn M1, sinh năm 1967; Có mặt.

+ Chị Phí Thị Q, sinh năm 1984; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Văn N1 và ông Trần Văn M1 làm cùng Công ty TNHH S1 (sau đây gọi tắt là Công ty S1) tại khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bị cáo Trần Vũ M và Trần Văn R là con ruột của ông Trần Văn M1, bị cáo Trần Văn H là cháu của ông M1; bị cáo Lê Thành H2 là con rể của ông M1.

Ngày 27/3/2021, trong lúc làm việc tại công ty, anh N1 di chuyển quạt làm bụi bay vào người ông M1 nên ông M1 nói chuyện lớn tiếng với anh N1. Khi về phòng trọ anh N1 nói lại sự việc xảy ra mâu thuẫn cho vợ là chị Phí Thị Q biết. Chị Q gọi điện cho ông M1 để nói chuyện hòa giải giữa anh N1 và ông M1 thì bị ông M1 chửi. Sau đó, chị Q hẹn gặp ông M1 vào chiều ngày 28/3/2021 để nói chuyện.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 28/3/2021, anh N1 và chị Q đứng trước Trạm xăng thuộc đường Đ, khu phố K, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương chờ ông M1 ra nói chuyện. Ông M1 sợ bị anh N1 đánh nên không đi ra khỏi công ty mà gọi điện nhờ bị cáo R đến chở về. Bị cáo R sợ ông M1 bị đánh nên rủ bị cáo H, M, H2 đi đánh anh N1 thì tất cả đồng ý. Lúc này, bị cáo R đưa cho bị cáo H 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại, dài 60cm, cán nhựa, màu đen. Bị cáo H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh dương, (không

rõ biển số) chở bị cáo M, còn bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 59Y1 - 504.90 chở bị cáo R rồi tất cả cùng đi đến Công ty S1. Trên đường đi, bị cáo M và H2 mua 02 cây rựa tại cửa hàng V (không rõ tên và địa chỉ). Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm đến trước trạm xăng thì thấy anh N1 đang đứng phía trước trạm xăng. Tại đây, bị cáo M đưa cho bị cáo R 01 cây rựa, bị cáo M cầm 01 cây rựa, bị cáo H cầm gậy ba khúc và bị cáo H2 (không cầm hung khí) cùng đi đến vị trí anh N1 để đánh anh N1. Khi đi đến vị trí anh N1, bị cáo M cầm rựa chém 01 cái trúng vào cánh tay trái, bị cáo H dùng gậy ba khúc đánh trúng 01 cái vào vùng vai phải của anh N1 nhưng không gây thương tích. Thấy anh N1 bị đánh, chị Q đến can ngăn, anh N1 chạy sang bên kia đường đối diện trạm xăng. Khi đến giữa đường Đ, anh N1 bị vấp ngã nên bị bị cáo R dùng rựa chém 01 cái trúng vào cẳng tay trái và khuỷu tay phải. Anh N1 đứng dậy tiếp tục bỏ chạy thì các bị cáo H2, M, R tiếp tục truy đuổi theo, còn bị cáo H điều khiển xe bỏ chạy. Trong quá trình truy đuổi, bị cáo H2 nhặt 01 cục gạch màu cam ném 01 cái trúng vào vùng lưng của anh N1. Lúc này, chị Q truy hô “Công an đến” nên các bị cáo M, R và H2 bỏ chạy, anh N1 được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 295/2021/GĐPY ngày 08/6/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của anh Trần Văn N1 là 12 % (Mười hai phần trăm).

Tại Cáo trạng số 213/CT-VKSTU ngày 24/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Vũ M, Trần Văn R, Trần Văn H và Lê Thành H2 về Tội cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và T1 gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Vũ M mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn R mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án tù 06 năm đến 07 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án tù 05 năm đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành H2 mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 năm đến 02 năm 06 tháng về Tội gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn N1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn R đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng; chị Lê Thị Thu T bồi thường thay cho bị cáo Trần Vũ M số tiền 10.000.000 đồng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với xe mô tô biển số 59Y1-504.90 quá trình điều tra xác định xe mô tô do bà Huỳnh Thị Bích N2 là chủ sở hữu. Bà N2 xác định đã bán xe mô tô trên không còn sử dụng. Ông Trần Văn M1 khai nhận mua xe mô tô trên không có giấy tờ, sau đó cho bị cáo Trần Văn R. Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, không trình bày lời bào chữa cho hành vi phạm tội, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 17 giờ, ngày 28/3/2021 tại khu vực trước trạm xăng trên đường Đ thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương các bị cáo Trần Vũ M, Trần Văn R, Trần Văn H và Lê Thành H2 đã có hành vi dùng dao, cây ba khúc, cục gạch là hung khí nguy hiểm đánh, chém vào vùng tay, vùng lưng của anh Trần Văn N1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Các bị cáo thực hiện hành vi đuổi đánh bị hại ngay trên đường, vào thời điểm có đông phương tiện và người dân lưu thông gây tâm lý hoảng sợ cho người dân, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự công cộng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 và Tội gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 213/CT-VKSTU ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Văn R và bị cáo Trần Vũ M đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân nhiệm vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm nên không xem là phạm tội có tổ chức.

Xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Bị cáo Trần Văn R là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác phạm tội, đồng thời cũng là người thực hành tích cực. Các bị cáo Trần Vũ M, Trần Văn H, Lê Thành H2 tham gia với vai trò là người thực hành và giúp sức cho bị cáo R. Bị cáo Lê Thành H2 tham gia với vai trò thứ yếu. Nên khi quyết định mức hình phạt bị cáo Trần Văn R phải chịu mức án cao hơn các bị cáo còn lại, bị cáo Lê Thành H2 phải chịu mức án thấp nhất so với các bị cáo khác.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn R đã nộp số tiền 10.000.000 đồng, chị Lê Thị Thu T nộp thay cho bị cáo Trần Vũ M số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường

tổng số tiền 50.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng chị Lê Thị Thu T nộp thay cho bị cáo Trần Vũ M, chị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét xe mô tô biển số 59Y1-504.90 không có giấy tờ sử dụng, bị cáo Trần Văn R sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương tại phiên toà về việc xử lý vật chứng, mức bồi thường và mức hình phạt đối với các bị cáo về Tội gây rối trật tự công cộng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng mức hình phạt về tội cố ý gây thương tích Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần cho các bị cáo.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Vũ M, Trần Văn R, Trần Văn H và Lê Thành H2 phạm Tội cố ý gây thương tích và Tội gây rối trật tự công cộng.

1.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn R 03 (Ba) năm tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

1.2 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Vũ M 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2024.

1.3 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2024.

1.4 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thành H2 02 (H3) năm tù về Tội cố ý gây thương tích và 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 590 Bộ luật Dân sự

Buộc các bị cáo Trần Văn R, Trần Vũ M, Trần Văn H và Lê Thành H2 phải liên đới bồi thường cho anh Trần Văn N1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi số 01 ngày 24/7/2024 của Kho bạc Nhà nước thành phố T. Các bị cáo phải nộp thêm số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 59Y1-504.90 (số khung: RLCL15C20AY-010182; số máy: 15C2-010175)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Vũ M, Trần Văn R, Trần Văn H và Lê Thành H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và liên đới nộp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo (04);
- VKSND TP Tân Uyên (01);
- Công an TP Tân Uyên (02);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS TP Tân Uyên (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (03);
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết